

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2007/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về nhân viên hàng không**  
**và cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh, tiêu

chuẩn và điều kiện của nhân viên hàng không; tiêu chuẩn và thủ tục cấp, công nhận giấy phép, chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không; tiêu chuẩn và chương trình đào tạo, huấn luyện của các cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; chế độ lao động, kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không.

**Chương II**

**CHỨC DANH, NHIỆM VỤ, GIẤY PHÉP VÀ CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG**

**Điều 2.** Chức danh nhân viên hàng không

1. Chức danh nhân viên hàng không bao gồm:

- a) Thành viên tổ lái;
- b) Giáo viên huấn luyện bay;
- c) Tiếp viên hàng không;
- d) Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;
- đ) Nhân viên không lưu;
- e) Nhân viên thông báo tin tức hàng không;
- g) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không;
- h) Nhân viên khí tượng hàng không;
- i) Nhân viên điều độ, khai thác bay;
- k) Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay;
- l) Nhân viên an ninh hàng không;
- m) Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay.

2. Nhân viên hàng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có chứng chỉ chuyên môn do cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cấp;
- b) Đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn theo quy định;
- c) Đủ thời gian thực tập và huấn luyện theo quy định;
- d) Có đủ sức khỏe, độ tuổi theo quy định.

**Điều 3.** Nhiệm vụ theo chức danh của nhân viên hàng không

1. Thành viên tổ lái thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, đảm bảo an toàn cho chuyến bay.

2. Giáo viên huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ huấn luyện thực hành bay cho thành viên tổ lái.

3. Tiếp viên hàng không thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho hành khách trong chuyến bay, phục vụ trên tàu bay theo sự phân công của người khai thác tàu bay hoặc người chỉ huy tàu bay nhưng không được thực hiện nhiệm vụ của thành viên tổ lái.

4. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay thực hiện nhiệm vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

5. Nhân viên không lưu thực hiện các nhiệm vụ sau đây đối với chuyến bay:

- a) Điều hành bay bao gồm: kiểm soát mặt đất, kiểm soát tại sân bay, kiểm soát tiếp cận, kiểm soát đường dài;
- b) Thông báo bay;
- c) Tư vấn không lưu;
- d) Báo động.

6. Nhân viên thông báo tin tức hàng không thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý cung cấp, trao đổi dịch vụ thông báo tin tức hàng không cho các tổ chức, cá

nhân trong nước và nước ngoài theo quy định.

7. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác thiết bị truyền tin mạng viễn thông cố định hàng không (AFTN), khai thác thiết bị thông tin sóng cao tần không - địa (HF A/G), khai thác thiết bị thông tin sóng cực ngắn (VHF), kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị phụ trợ dẫn đường, giám sát hàng không, thực hiện việc bảo dưỡng các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.

8. Nhân viên khí tượng hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị khí tượng; thu thập, phân tích, xử lý số liệu khí tượng, lập bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết; cung cấp thông tin khí tượng cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động bay.

9. Nhân viên điều độ, khai thác bay thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch bay của người khai thác tàu bay và thực hiện công việc trợ giúp tổ lái trong quá trình thực hiện chuyến bay.

10. Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay thực hiện nhiệm vụ điều khiển, vận hành các phương tiện, trang bị, thiết bị phục vụ các chuyến bay đi, đến trong khu bay tại các cảng hàng không, sân bay.

11. Nhân viên an ninh hàng không chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; duy trì trật tự tại khu vực công cộng tại cảng hàng không, sân bay; tuần tra, canh gác bảo vệ vành đai cảng hàng không, sân bay, khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, tàu bay đỗ tại cảng hàng không, sân bay; bảo đảm an ninh trên chuyến bay.

12. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và làm thủ tục vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa tại cảng hàng không, sân bay; cân bằng trọng tải tàu bay, kiểm tra hàng nguy hiểm trước khi đưa lên tàu bay; vệ sinh tàu bay; xếp dỡ hành lý, hàng hóa lên, xuống tàu bay.

**Điều 4. Giấy phép của nhân viên hàng không**

1. Những nhân viên hàng không sau đây khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép:

a) Nhân viên hàng không quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, i, k và l khoản 1 Điều 2 của Quyết định này;

b) Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 của Quyết định này làm việc ở các vị trí: khai thác thiết bị truyền tin AFTN, khai thác thiết bị thông tin HF A/G, khai thác thiết

bị thông tin VHF, kiểm tra hiệu chuẩn thiết bị phù trợ dẫn đường, giám sát hàng không và bảo dưỡng các thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.

2. Tiêu chuẩn cấp giấy phép nhân viên hàng không bao gồm:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định này;

b) Tham dự và đạt kết quả của kỳ kiểm tra để cấp giấy phép.

**Điều 5.** Chứng chỉ chuyên môn của nhân viên hàng không

1. Các nhân viên hàng không không phải là đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quyết định này khi thực hiện nhiệm vụ phải có chứng chỉ chuyên môn do cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cấp.

2. Tiêu chuẩn cấp chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không bao gồm:

a) Được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn tại cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ được Cục Hàng không Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không hoặc công nhận;

b) Tham dự và đạt kết quả của kỳ thi tốt nghiệp do cơ sở đào tạo, huấn luyện

nghiệp vụ nhân viên hàng không tổ chức.

3. Thủ tục cấp chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

**Điều 6.** Thủ tục cấp giấy phép nhân viên hàng không

1. Người đề nghị cấp giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép cho Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;

c) Văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp;

d) Chứng chỉ chuyên môn phù hợp;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp.

2. Cục Hàng không Việt Nam thành lập Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép phù hợp với chức danh nhân viên hàng không khi có nhu cầu kiểm tra (sau đây gọi là Hội đồng kiểm tra).

3. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của người đề nghị cấp giấy phép, Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra

và báo cáo kết quả với Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam.

4. Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam quyết định việc cấp giấy phép cho nhân viên hàng không trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả của Hội đồng kiểm tra.

#### **Điều 7. Hội đồng kiểm tra**

1. Hội đồng kiểm tra thực hiện việc kiểm tra để cấp mới, cấp lại giấy phép và cấp năng định cho nhân viên hàng không.

2. Thành phần Hội đồng kiểm tra bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và các ủy viên Hội đồng.

3. Hội đồng kiểm tra có các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng quy chế làm việc của Hội đồng;

b) Xây dựng nội dung kiểm tra, đề kiểm tra và đáp án trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt;

c) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quyết định này.

4. Hội đồng kiểm tra làm việc theo nguyên tắc đa số; cuộc họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 thành viên có mặt; kết luận của Hội đồng có giá trị khi có ít nhất 70% số thành viên có mặt đồng ý.

**Điều 8.** Thời hạn và giá trị hiệu lực của giấy phép nhân viên hàng không

1. Thời hạn hiệu lực của giấy phép tối đa 5 năm và có thể được cấp lại.

2. Giấy phép chỉ có giá trị sử dụng trong trường hợp năng định và chứng nhận đủ điều kiện về sức khỏe còn hiệu lực.

**Điều 9.** Năng định nhân viên hàng không

1. Năng định là chứng nhận về năng lực chuyên môn của nhân viên hàng không đáp ứng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ theo chức danh ghi trong giấy phép nhân viên hàng không.

2. Thời hạn hiệu lực của năng định được quy định như sau:

a) 36 tháng đối với giáo viên huấn luyện bay;

b) 24 tháng đối với tiếp viên hàng không; nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay; nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay; nhân viên điều độ, khai thác bay; huấn luyện viên không lưu;

c) 12 tháng đối với các nhân viên hàng không khác.

3. Người đề nghị cấp năng định phải gửi hồ sơ cho Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp năng định bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp năng định;
- b) Giấy phép nhân viên hàng không còn hiệu lực;
- c) Kết quả huấn luyện phù hợp;
- d) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp.

4. Cục Hàng không Việt Nam cấp năng định cho nhân viên hàng không theo thủ tục quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 6 của Quyết định này.

**Điều 10.** Nội dung của giấy phép nhân viên hàng không

1. Giấy phép bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - b) Cơ quan cấp giấy phép;
  - c) Tên giấy phép;
  - d) Số giấy phép;
  - đ) Ngày cấp, thời hạn của giấy phép;
  - e) Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ, quốc tịch của người được cấp giấy phép;
  - g) Quyền và nghĩa vụ của người được cấp giấy phép;
  - h) Điều kiện thực hiện của giấy phép;
  - i) Năng định và chứng nhận khác có liên quan;

- k) Chữ ký của người cấp giấy phép và dấu của cơ quan cấp giấy phép;
- l) Các yêu cầu khác.

2. Mẫu giấy phép theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam.

**Điều 11.** Cấp lại giấy phép nhân viên hàng không

1. Giấy phép được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp đã hết thời hạn hiệu lực, mất, hư hỏng.

2. Người đề nghị cấp lại giấy phép phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép về Cục Hàng không Việt Nam 30 ngày trước ngày giấy phép hết thời hạn hiệu lực bao gồm các tài liệu sau đây:

- a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;
- b) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;
- c) Kết quả huấn luyện phù hợp;
- d) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp.

3. Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép mới cho người đề nghị theo thủ tục quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 6 của Quyết định này, đồng thời thu hồi giấy phép đã hết thời hạn hiệu lực.

4. Trong trường hợp giấy phép đã cấp bị mất, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại giấy phép trong thời hạn 30 ngày kể

từ ngày nhận được đơn đề nghị kèm theo xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương.

**Điều 12.** Các trường hợp thu hồi giấy phép nhân viên hàng không

1. Người được cấp giấy phép không đủ điều kiện hoặc không còn đáp ứng đủ điều kiện cấp giấy phép.

2. Giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa.

3. Người được cấp giấy phép sử dụng giấy phép không đúng mục đích.

### Chương III

## TIÊU CHUẨN VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

**Điều 13.** Yêu cầu chung đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện

1. Phòng học, trang bị, thiết bị, xưởng thực hành phù hợp với nội dung đào tạo, huấn luyện.

2. Chương trình đào tạo, huấn luyện phù hợp.

3. Đội ngũ giáo viên có giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, huấn luyện.

4. Giáo trình, tài liệu giảng dạy

phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện.

5. Các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và giáo dục, đào tạo.

**Điều 14.** Yêu cầu tối thiểu về phòng học, trang bị, thiết bị, xưởng thực hành của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Phòng học phải có đủ diện tích, ánh sáng, thiết bị nghe, nhìn và các thiết bị khác phục vụ cho việc học tập.

2. Trang bị, thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện một số chuyên ngành phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đối với đào tạo, huấn luyện thành viên tổ lái, giáo viên bay: Có tàu bay huấn luyện, buồng lái giả định; xưởng bảo dưỡng tàu bay; thiết bị kiểm tra phi công, luyện tập thể lực; phần mềm đào tạo, huấn luyện trên máy tính; phòng luyện nghe tiếng Anh (phòng LAB) đáp ứng tiêu chuẩn quy định;

b) Đối với đào tạo, huấn luyện tiếp viên hàng không: Có mô hình khoang tàu bay được trang bị đủ hệ thống an ninh, an toàn, khẩn nguy, cấp cứu, hệ thống dưỡng khí và các dụng cụ phục vụ hành khách trên tàu bay;

c) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay: Có tàu bay học cụ được trang bị thiết bị điện,

điện tử, thông tin liên lạc còn hoạt động; dụng cụ thực hành về cơ giới, điện, điện tử, công nghệ thông tin và thiết bị kiểm tra không phá hủy;

d) Đối với đào tạo, huấn luyện kiểm soát viên không lưu, huấn luyện viên không lưu và nhân viên thông báo hiệp đồng bay: Có mô hình giả định và phần mềm giảng dạy về kiểm soát tiếp cận, kiểm soát tại sân, kiểm soát đường dài bằng ra đa và không ra đa; phòng luyện nghe tiếng Anh đáp ứng tiêu chuẩn quy định;

đ) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên khai thác kỹ thuật thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không, nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát: Có thiết bị thực tập nhận, chuyển điện văn tự động; thiết bị thực tập kỹ thuật điện, điện tử; thiết bị thực tập kỹ thuật số - vi xử lý, thiết bị thực tập viễn thông chuyên ngành; thiết bị thực tập truyền số liệu bằng điện tử; thiết bị thực tập khai thác hệ thống;

e) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên an ninh hàng không: Có mô hình giả định và phần mềm giảng dạy về soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa; thiết bị cầm tay dò tìm kim loại và các vật phẩm nguy hiểm; thiết bị giám sát hành khách, hành lý, hàng hóa và phương tiện; mô hình khoang tàu bay; thao trường được trang bị các thiết bị mô phỏng phù hợp;

g) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên thông báo tin tức hàng không: Có mô hình hệ thống thiết bị thông báo tin tức hàng không tự động và hệ thống quản lý, khai thác điện văn thông báo hàng không (NOTAM) tự động; thiết bị chuyển - nhận điện văn tự động (AMS); thiết bị đầu cuối thực hiện chức năng của mạng viễn thông cố định hàng không (AFTN) và chức năng máy chủ (Server);

h) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên khí tượng hàng không: Có ra đa thời tiết, thiết bị đo gió đứt, hệ thống quan trắc khí tượng tự động phục vụ hàng không, hệ thống thu ảnh mây vệ tinh, hệ thống thu sản phẩm dự báo toàn cầu (WAFS), hệ thống máy điện đồ, hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng, đầu cuối AFTN;

i) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên điều độ, khai thác bay: Có mô hình hệ thống cấu trúc tàu bay, phần mềm về điều hành khai thác bay; hệ thống thiết bị thông báo tin tức hàng không tự động; thiết bị chuyển - nhận điện văn tự động, các tài liệu cần thiết khác phù hợp với yêu cầu của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO);

k) Đối với đào tạo, huấn luyện nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay và nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyển bay: Có phương tiện, trang bị, thiết bị chuyên



ngành phù hợp và phần mềm khai thác, vận hành, sửa chữa.

3. Xưởng thực hành, phòng thực tập phải có diện tích và không gian phù hợp với thiết bị, máy móc được sử dụng.

4. Thư viện kỹ thuật phải có đủ sách, giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

**Điều 15.** Giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện các chức danh nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên để thực hiện chương trình đào tạo, huấn luyện quy định. Giáo viên bao gồm giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng.

2. Đối với giáo viên dạy lý thuyết cho các khóa đào tạo thành viên tổ lái, kiểm soát viên không lưu, tiếp viên hàng không, nhân viên thông báo tin tức hàng không, tổng số giáo viên kiêm nhiệm và giáo viên thỉnh giảng không được vượt quá 50% số giáo viên tham gia giảng dạy đối với mỗi chương trình đào tạo.

3. Giáo viên chuyên ngành hàng không phải đạt tiêu chuẩn nhà giáo theo quy định của pháp luật, có chứng chỉ giáo viên chuyên ngành hàng không phù hợp, được Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

**Điều 16.** Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Chương trình đào tạo nhân viên hàng không bao gồm:

a) Chương trình đào tạo nghề;

b) Chương trình đào tạo bậc trung cấp chuyên nghiệp trở lên.

2. Chương trình huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không bao gồm:

a) Chương trình huấn luyện cấp chứng chỉ chuyên môn;

b) Chương trình huấn luyện làm quen, phục hồi, chuyển loại, định kỳ;

c) Chương trình bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn.

3. Cục Hàng không Việt Nam tham gia thẩm định chương trình khung về đào tạo nhân viên hàng không; phê duyệt chương trình huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

4. Các cơ sở đào tạo, huấn luyện có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nhân viên hàng không phù hợp với chương trình khung của cấp có thẩm quyền ban hành; xây dựng chương trình huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

**Điều 17.** Giáo trình và tài liệu của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện phải có đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo, huấn luyện tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; phê duyệt giáo trình, tài liệu giảng dạy trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình của cơ sở. Hội đồng thẩm định giáo trình của cơ sở do Thủ trưởng đơn vị thành lập trình Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

**Điều 18.** Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không muốn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải gửi hồ sơ đề nghị đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b) Giấy phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện tại Việt Nam;

c) Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

d) Danh sách giáo viên chuyên ngành hàng không kèm theo chứng chỉ giáo viên phù hợp;

đ) Báo cáo về phòng học, trang bị, thiết bị, xưởng thực hành của cơ sở.

2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, huấn luyện và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không cho cơ sở đề nghị. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở đề nghị và nêu rõ lý do.

**Điều 19.** Công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài được công nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Được tổ chức hàng không dân dụng quốc tế công nhận;

b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Quyết định này.

2. Chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không do cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này cấp được công nhận tại Việt Nam.

#### Chương IV

### CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG, KỶ LUẬT LAO ĐỘNG ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

**Điều 20.** Chế độ lao động đối với nhân viên hàng không

Thời giờ làm việc của thành viên tổ bay thực hiện theo quy định của Quy chế khai thác máy bay vận tải thương mại và Quy chế khai thác trực thăng thương mại.

**Điều 21.** Kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không

1. Nhân viên hàng không có thể bị sa thải trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi vi phạm pháp luật gây uy hiếp an ninh, an toàn hàng không;

b) Sử dụng ma túy hoặc chất gây nghiện bị cấm khác;

c) Lợi dụng vị trí công tác, thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm kỷ luật lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ gây uy hiếp an ninh, an toàn hàng không.

2. Người sử dụng lao động có trách

nhiệm phổ biến các quy định tại khoản 1 Điều này cho người lao động trước khi tiếp nhận.

#### Chương V

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 22.** Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 18/1999/QĐ-CHK ngày 25/6/1999 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ban hành Quy chế đào tạo - huấn luyện trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam và Quyết định số 23/2000/QĐ-CHK ngày 16/8/2000 của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam ban hành Quy định về quản lý giấy phép hành nghề đối với những người làm việc trong lĩnh vực khai thác - kỹ thuật hàng không dân dụng.

**Điều 23.** Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng